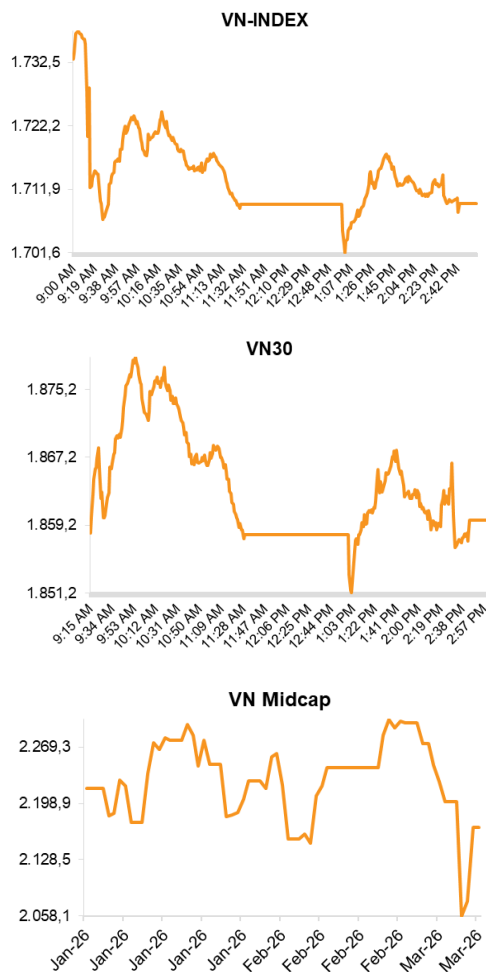


KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Thị trường chứng khoán

Thị trường tiếp tục điều chỉnh, VN-Index lùi về vùng 1.710 điểm

Phiên giao dịch ngày 12/03 ghi nhận áp lực bán duy trì trên nhóm vốn hóa lớn, kéo VN-Index tiếp tục điều chỉnh trong khi một số nhóm ngành liên quan đến hàng hóa cơ bản hồi phục nhẹ. Kết thúc phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.709,61 điểm, giảm 18,73 điểm (-1,08%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về chiều tiêu cực với 138 cổ phiếu tăng và 205 cổ phiếu giảm.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1.859,80 điểm, giảm 30,14 điểm (-1,59%), mức giảm lớn hơn chỉ số chung cho thấy áp lực tập trung tại nhóm vốn hóa lớn. Trong rổ VN30, chỉ 6 cổ phiếu tăng trong khi 23 cổ phiếu giảm. Đáng chú ý, sàn HNX đi ngược xu hướng với HNX-Index tăng nhẹ 0,83 điểm (+0,34%) lên 247,85 điểm, cho thấy dòng tiền có dấu hiệu dịch chuyển sang nhóm vốn hóa nhỏ. Bức tranh ngành phiên hôm nay có sự phân hóa rõ rệt. Viễn thông (-4,41%) tiếp tục chịu áp lực bán mạnh nhất, theo sau là Du lịch & Giải trí (-2,99%), Công nghệ (-2,65%), Dịch vụ tài chính (-2,55%) và Bảo hiểm (-1,98%). Hai trụ cột lớn nhất thị trường là Ngân hàng (-1,60%) và Bất động sản (-0,29%) đều giảm, trong đó Bất động sản thu hẹp mức giảm đáng kể so với các phiên trước. Ở chiều ngược lại, Hóa chất (+1,94%) dẫn đầu nhóm tăng nhờ hiệu ứng giá dầu, tiếp theo là Dầu khí (+0,98%), Xây dựng & Vật liệu (+0,90%) và Tài nguyên (+0,06%).

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh sàn HoSE ngày 12/03 đạt 24.464 tỷ đồng, tăng 6,17% so với phiên trước nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất. Thanh khoản ở mức thấp trong phiên giảm cho thấy áp lực bán đang dần hạ nhiệt nhưng lực cầu vẫn chưa đủ mạnh để tạo nhịp hồi phục bền vững. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: 1) Thanh khoản sụt giảm và mức giảm chỉ số thu hẹp so với phiên trước là tín hiệu cho thấy lực bán đang yếu dần, tuy nhiên chưa đủ để kết luận áp lực bán đã kết thúc; 2) Tiếp tục kiểm soát tỷ lệ ký quỹ, tận dụng các nhịp hồi kỹ thuật để tái cơ cấu danh mục, ưu tiên giảm tỷ trọng ở các nhóm chịu áp lực bán kéo dài như Viễn thông, Công nghệ và Dịch vụ tài chính. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: 1) VN-Index đang giao dịch ở vùng 1.710 điểm — gần vùng hỗ trợ kỹ thuật trung hạn. Sự thu hẹp mức giảm và thanh khoản hạ nhiệt là điều kiện cần nhưng chưa đủ để xác nhận đáy; 2) Có thể cân nhắc giải ngân thăm dò tỷ trọng nhỏ vào các nhóm đang hưởng lợi từ giá hàng hóa tăng như Hóa chất và Dầu khí, đồng thời theo dõi sát phiên tiếp theo để xác nhận tín hiệu hồi phục.

Quốc gia	Chỉ số	Biến động 1 ngày (%)	Biến động từ đầu năm (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD bình quân ngày 3 tháng (Triệu USD)	Lợi suất TPCP nội tệ 5 năm	Dòng vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá nội tệ/USD (% sv tháng trước)	Tỷ giá nội tệ/USD (% svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-0,1%	4,0%	19,7	1,6	8,3%	2,2%	154.225	1,6%	120.517	0,4%	5,3%
Ấn Độ	NSE500 Index	-0,2%	-7,9%	23,5	3,4	15,2%	1,2%	9.304	6,4%	-5.263	-1,6%	-5,3%
Indonesia	JCI Index	-0,2%	-14,7%	18,4	1,9	11,4%	3,6%	1.480	6,2%	-582	-0,4%	-2,6%
Singapore	STAS Index	-0,2%	3,8%	17,1	1,5	9,1%	4,5%	1.269	1,6%	1.100	-1,0%	4,5%
Malaysia	FBME Index	0,1%	1,5%	16,6	1,4	8,3%	3,8%	664	3,4%	338	-0,6%	12,8%
Philippines	PCOMP Index	-0,7%	-2,0%	10,3	1,0	10,1%	3,7%	108	5,8%	315	-2,2%	-3,4%
Thái Lan	SET Index	1,1%	13,0%	12,8	1,3	8,7%	4,3%	1.719	1,4%	1.057	-2,3%	6,3%
Việt Nam	VN-Index	-1,1%	-4,2%	15,5	2,1	14,5%	1,4%	1.061	4,0%	-673	-1,2%	-3,1%

12/03/2026

Hình 1: Bảng diễn biến chỉ số

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.709,6	247,9	123,9
1 ngày (%)	-1,1	0,3	-0,2
1 tháng (%)	-5,8	-3,4	-1,7
Từ 2026	-4,2	-0,4	2,4
1 Năm (%)	28,1	2,5	24,7
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	309	15	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ V	1,0	1,7	0,7
Số mã tăng	138	83	106
Số mã giảm	205	69	134
Số mã tham chiếu	60	144	504

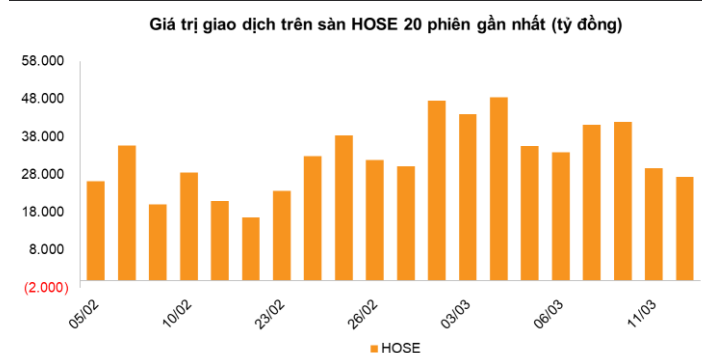
Nguồn: Bloomberg

Hình 2: Bảng diễn biến theo ngành

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)	% thay đổi khối lượng 1 ngày
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,7	145,1	3,7	0,3	-27,6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,6	22,8	5,2	-1,5	-4,0
Năng lượng	3,7	33,0	2,8	1,4	-15,2
Tài chính	38,9	11,9	1,7	-1,8	-9,8
Chăm sóc sức khỏe	0,5	37,8	2,7	-0,6	-26,9
Công nghiệp	7,3	21,6	4,0	-0,6	17,7
Công nghệ thông tin	1,9	15,2	3,5	-3,0	11,8
Vật liệu xây dựng	6,8	20,8	2,0	0,2	24,8
Bất động sản	23,6	56,8	5,1	-0,4	-10,4
Dịch vụ tiện ích	4,8	18,1	2,8	-2,7	103,2

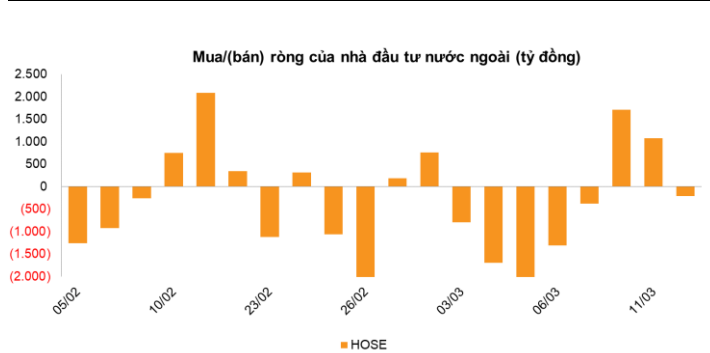
Nguồn: BLOOMBERG

Hình 3: Chart về diễn biến thanh khoản thị trường theo phiên trong 20 phiên gần nhất



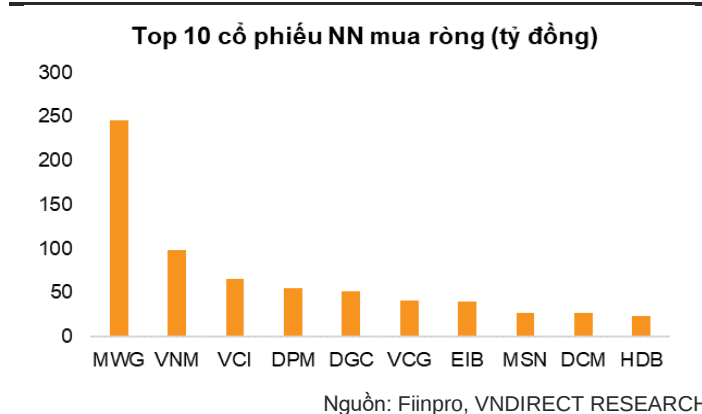
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: Mua bán ròng khối ngoại theo phiên trong 20 phiên gần nhất



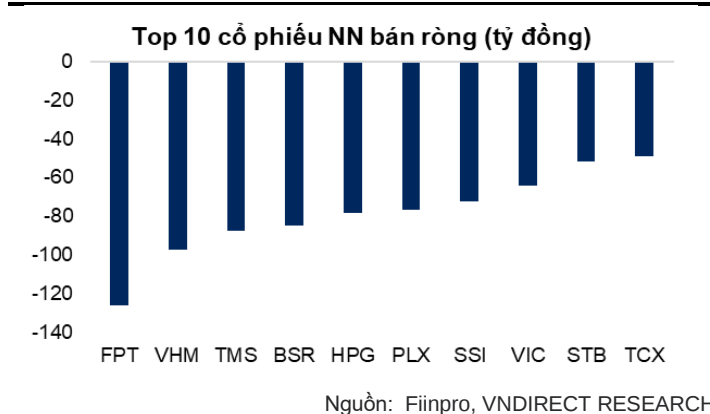
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: Top 10 CP mua ròng của khối ngoại theo phiên



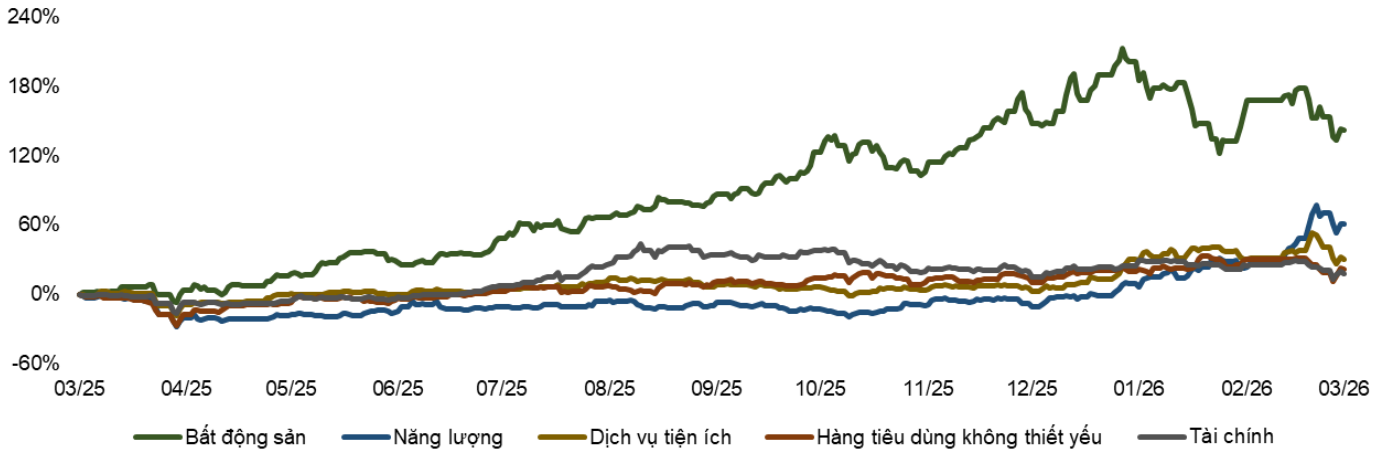
Nguồn: Fiipro, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: Top 10 CP bán ròng khối ngoại theo phiên

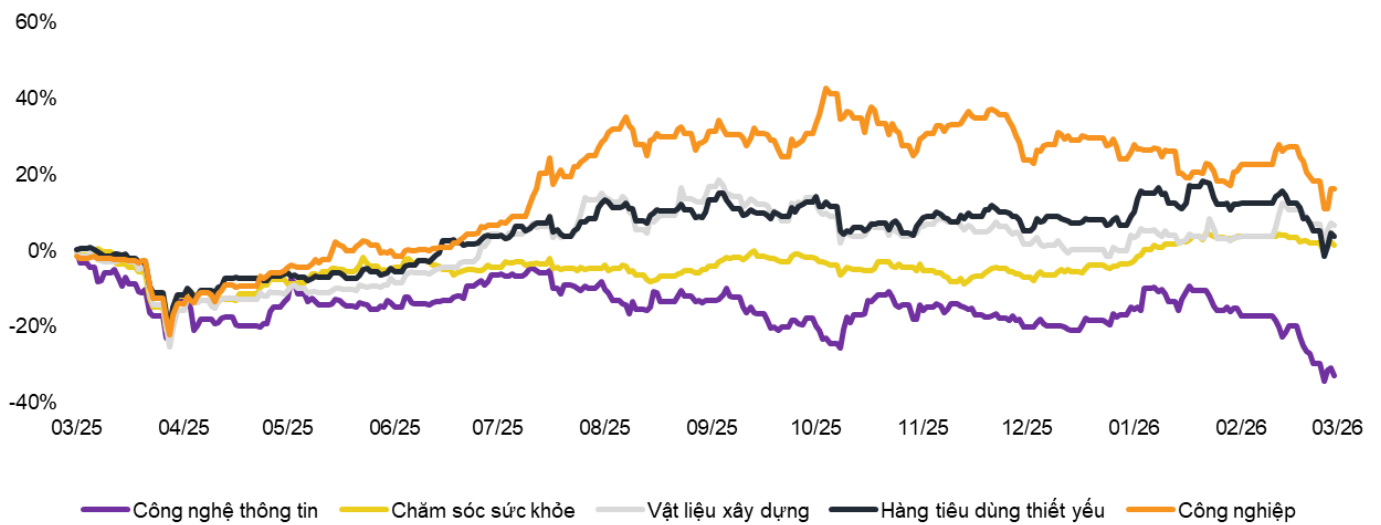


Nguồn: Fiipro, VNDIRECT RESEARCH

Top 5 ngành có hiệu suất tốt nhất trên HSX



Top 5 ngành có hiệu suất tốt nhất trên HSX



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Mỹ:** CPI tháng 2/2026 công bố ngày 11/3 tăng 0,3% so với tháng trước (sau mức +0,2% trong tháng 1) và tăng 2,4% so với cùng kỳ — đúng kỳ vọng thị trường. Giá nhà ở (+0,2%) là yếu tố đóng góp lớn nhất, tiếp theo là thực phẩm (+0,4%) và năng lượng (+0,6%). Tuy nhiên, đây là số liệu trước khi giá dầu bùng nổ do xung đột Iran, nghĩa là CPI tháng 3 sẽ chịu áp lực tăng đáng kể từ giá xăng dầu. Thị trường hiện đặt xác suất gần 100% Fed giữ nguyên lãi suất tại cuộc họp ngày 18/3. Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu (Initial Jobless Claims) tuần kết thúc 28/2 ở mức 213.000, không đổi so với tuần trước và thấp hơn kỳ vọng 215.000 — cho thấy thị trường lao động vẫn ổn định dù tốc độ tuyển dụng đang chậm lại. Dữ liệu mới nhất sẽ công bố hôm nay 12/3.
- **Trung Quốc:** Kỳ họp NPC 2026 dự kiến bế mạc hôm nay 12/3 sau tám ngày thảo luận. Quốc hội sẽ biểu quyết thông qua Kế hoạch 5 năm lần thứ 15 (2026–2030) với trọng tâm chuyển đổi từ tăng trưởng theo số lượng sang chất lượng. Kế hoạch đề cập AI hơn 50 lần, ưu tiên công nghệ lượng tử, robot hình người, mạng 6G và giao diện não-máy. Mục tiêu GDP 2026 đặt ở mức 4,5–5,0% — thấp nhất trong nhiều thập kỷ. Ngoài ra, Bộ luật Môi trường sinh thái và Luật thúc đẩy đoàn kết dân tộc cũng nằm trong chương trình biểu quyết.

Tin vĩ mô trong nước

- Bộ Công Thương yêu cầu các thương nhân đầu mối xăng dầu đa dạng hóa nguồn cung, không găm hàng, đảm bảo thực hiện nghiêm kế hoạch nhập khẩu tháng 3 và xây dựng kế hoạch tháng 4 trong bối cảnh xung đột Trung Đông đẩy giá dầu tăng mạnh.
- Giá xăng dầu trong nước đã trải qua 10 lần điều chỉnh từ đầu năm (6 lần tăng, 4 lần giảm với xăng RON95). Giá nhiên liệu hàng không tăng gấp ba, ngành hàng không hợp khẩn bàn phương án ứng phó, đề xuất giảm thuế nhập khẩu ưu đãi, miễn 100% thuế bảo vệ môi trường với nhiên liệu bay đến tháng 5/2026.
- Kho bạc Nhà nước huy động được VND60.541 tỷ trái phiếu Chính phủ trong hai tháng đầu năm, hoàn thành ~55% kế hoạch quý 1.
- Việt Nam đang chủ trì kỳ họp SOM1 trong khuôn khổ CPTPP 2026 tại Hà Nội từ ngày 11/3.

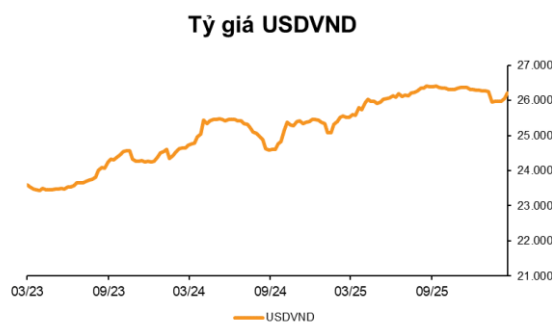
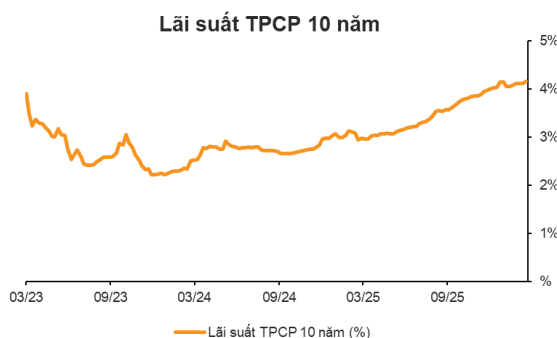
Tin ngành và doanh nghiệp

- **OCB:** OCB nhanh chóng triển khai Thông tư 77, thiết lập lớp bảo mật chủ động nhằm tối đa hóa bảo vệ khách hàng thông qua nâng cấp ứng dụng OCB OMNI với khả năng tự động đánh giá mức độ an toàn thiết bị và tạm ngừng kết nối khi phát hiện rủi ro, đồng thời tích hợp xác thực danh tính VNeID và sinh trắc học khuôn mặt để đảm bảo an toàn tuyệt đối.
- **GAS:** PV GAS nhập lô hàng LNG đầu tiên của năm 2026 với 63.000 tấn LNG cập cảng Thị Vải ngày 10/3, đi qua eo biển Hormuz trong bối cảnh căng thẳng Iran, cung cấp khí cho các nhà máy điện trong tình trạng gián đoạn nguồn cung dầu toàn cầu.
- **TCX:** TCBS (TCX) công bố phát hành trái phiếu ra công chúng đợt đầu tiên trị giá 1.000 tỷ đồng vào ngày 9/3, mở đầu kế hoạch phát hành tổng cộng 5.000 tỷ đồng, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất cố định ban đầu 8%. Tổng kế hoạch huy động qua trái phiếu và phát hành riêng lẻ dự kiến đạt 8.000 tỷ đồng trong năm 2026.
- **SHB:** SHB phát hành riêng lẻ 200 triệu cổ phiếu với giá 16.850 đồng/cổ phiếu, cao hơn 17% so với giá giao dịch sáng ngày 11/3, huy động 3.370 tỷ đồng để bổ sung vốn tín dụng. 13 quỹ đầu tư lớn tham gia mua bao gồm PVI, FPT và Dragon Capital.
- **GEE:** Gelex Electric chi trả tổng cổ tức 55% cho năm 2025 (đợt 2 là 25%, chi 915 tỷ đồng), ghi nhận lợi nhuận trước thuế kỷ lục 4.200 tỷ đồng, doanh thu 25.500 tỷ đồng, tổng tài sản 16.300 tỷ đồng, vượt kế hoạch cổ tức 30%.

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Date	Nation	Key Disclosures
Thứ Hai – Thứ Năm (09/03 – 12/03)	Trung Quốc	Trong tuần này, các phiên họp toàn thể tiếp tục thảo luận và biểu quyết thông qua các dự luật quan trọng gồm Bộ luật Môi trường sinh thái, Luật thúc đẩy đoàn kết dân tộc, và đặc biệt là Kế hoạch 5 năm lần thứ 15 (2026–2030)
Thứ Tư 11/03/2026	Mỹ	Chỉ số CPI tháng 2/2026
Thứ Năm 12/03/2026	Mỹ	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu (Initial Jobless Claims)
Thứ Sáu 13/03/2026	Mỹ	Chỉ số PCE Price Index tháng 1/2026

Thị trường tiền tệ và hàng hóa



Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,00	3,9	6,5	23,0	72,6
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	4,25	-26,1	-49,7	157,6	-11,1
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,87	-6,1	-19,4	-16,7	47,7
USD/VND	26.268	-0,1	-1,2	0,1	-3,1
DXY	99,41	0,2	2,6	1,1	-4,1
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,22	-0,1	3,1	1,4	-2,1
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,67	-0,2	4,8	3,7	-7,9

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.186,10	0,1	5,3	19,5	76,0
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 thar	92,02	5,5	46,4	60,3	36,0
Dầu Brent (USD/b) 1 tháng	97,87	6,4	44,9	60,8	37,9
Thép (USD/tấn)	460,8	0,0	-1,4	-2,6	-8,3
Thịt heo (USD/kg)	1,5	-0,3	-12,5	-20,1	-31,6
Gạo (USD/tấn)	497,4	0,5	-1,5	14,3	-20,3
Phân urea (USD/tấn)	537,5	21,7	26,5	56,9	37,8

Giá hàng hoá

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	5,5%	46,4%	36,0%
Brent Crude	6,4%	44,9%	37,9%
JKM LNG	1,7%	63,5%	36,7%
Henry Hub LNG	-0,1%	80,9%	45,6%
NW Thermal Coal	2,3%	-2,8%	-30,9%
Singapore Platt FO	-13,2%	48,7%	38,8%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	0,1%	5,3%	76,0%
Vàng SJC trong nước	-100,0%	-100,0%	-100,0%
Bạc	1,8%	14,4%	158,5%
Bạch kim	-0,8%	8,1%	119,5%

Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	2,9%	55,2%	493,2%
Đồng	-0,4%	0,6%	20,8%
Nhôm	1,5%	13,3%	27,9%
Niken	1,2%	-1,1%	7,4%
Kẽm	-0,3%	-0,9%	1,3%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,0%	-1,4%	-8,3%
Quặng sắt	0,0%	-1,0%	1,2%

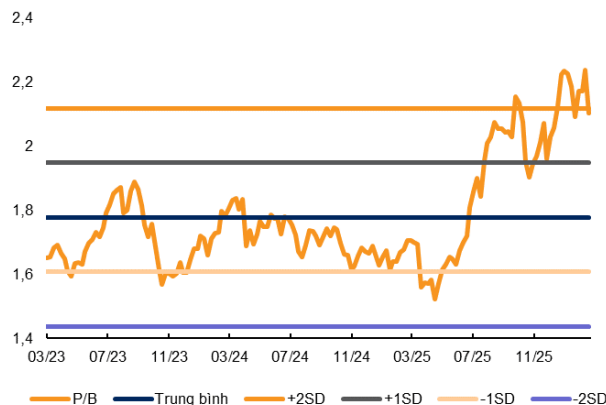
Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	0,5%	-1,5%	-20,3%
Arabica	-2,8%	-0,9%	-26,9%
Đường	1,2%	4,9%	-23,5%
Cacao	-0,6%	-11,3%	-59,1%
Dầu cọ	1,6%	13,1%	NA
Bông	0,0%	4,7%	-2,7%
Sữa bột	0,1%	7,4%	-13,0%
Lúa mì	0,6%	9,5%	8,8%
Đậu tương	1,1%	6,8%	20,3%
Hạt điều	NA	0,0%	2,8%
Cao su	0,1%	8,7%	10,5%
Urê	21,7%	26,5%	37,8%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-0,9%	9,6%	10,0%
Gia súc	-1,0%	-5,0%	15,3%

Nguồn: Bloomberg

Yếu tố thị trường

P/B hiện tại VN-INDEX



P/E trượt của VN-INDEX



DXY và lãi suất TPCP 5 năm



Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	6.723	5,5	3.153	49.300	73.300	49,8%	1,1%	16,3	2,5	17%
AST	126	0,0	4	73.700	85.400	19,3%	3,4%	13,4	5,7	45%
HVN	2.713	1,9	581	22.900	43.400	92,2%	2,7%	8,9	11,8	
VJC	3.441	10,9	809	152.800	113.600	-25,0%	0,7%	40,6	3,6	10%
Bán lẻ										
BAF	403	4,3	185	34.800	37.200	6,9%		64,5	2,6	3%
DGW	372	5,7	103	44.150	49.600	13,5%	1,1%	17,7	2,8	17%
FRT	996	3,5	164	153.600	150.300	-1,9%	0,2%	32,9	5,0	26%
MCH	6.919	1,8	2.414	140.400	147.000	6,2%	1,5%	27,2	10,1	46%
MWG	4.729	27,7	36	84.600	96.300	15,0%	1,2%	17,7	3,8	23%
PNJ	1.531	8,3	2	117.900	109.900	-5,9%	0,8%	14,6	3,0	23%
QNS	663	0,3	269	47.400	53.400	14,8%	2,1%	7,8	1,4	18%
SAB	2.136	3,2	888	43.750	59.900	41,5%	4,6%	13,1	2,7	20%
VHC	502	3,3	400	58.700	71.300	24,9%	3,4%	9,7	1,4	15%
VNM	4.901	19,8	2.516	61.600	74.800	26,1%	4,6%	15,3	4,2	27%
Tài chính										
ACB	4.527	13,1	129	23.150	31.300	39,0%	3,8%	7,6	1,3	18%
BID	10.892	17,1	1.381	40.750	47.200	16,9%	1,1%	9,6	1,7	19%
CTG	10.142	23,8	476	34.300	49.000	43,8%	0,9%	7,7	1,5	21%
HDB	4.897	21,2	203	25.700	39.500	56,2%	2,5%	7,2	1,7	25%
LPB	4.674	3,2	198	41.100	33.400	-12,7%	6,1%	10,7	2,6	25%
MBB	8.049	31,8	1	26.250	32.900	27,2%	1,9%	7,9	1,6	22%
STB	4.715	32,1	743	65.700	45.700	-29,5%	0,9%	20,9	2,1	10%
TCB	8.093	18,3	0	30.000	40.300	37,7%	3,3%	8,4	1,3	16%
TPB	1.695	9,2	92	16.050	17.800	16,8%	5,9%	6,0	1,1	18%
VCB	19.022	28,0	1.795	59.800	69.300	16,6%	0,8%	14,2	2,2	17%
VIB	2.158	4,5	6	16.650	23.600	45,4%	3,7%	7,8	1,2	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	7.777	23,1	395	25.750	37.100	46,0%	1,9%	8,5	1,2	15%
Dệt may										
MSH	158	1,0	68	36.850	40.600	21,0%	10,9%	6,8	2,2	33%
TCM	100	1,5	2	23.550	29.800	28,7%	2,1%	10,9	1,1	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.179	3,2	719	55.300	68.600	26,0%	2,0%	16,6	2,5	16%
GMD	1.247	5,7	101	76.800	72.000	-3,6%	2,6%	21,0	2,5	12%
HAH	375	5,9	88	58.300	55.400	-3,7%	1,3%	8,5	2,2	29%
VSC	345	8,4	164	24.200	19.100	-19,0%	2,1%	26,6	1,7	7%
IDC	649	6,3	227	44.900	45.600	4,9%	3,3%	8,8	2,6	32%
KBC	1.147	6,6	437	32.000	30.000	-5,1%	1,2%	13,0	1,2	10%
PHR	317	2,0	113	61.500	68.400	13,4%	2,2%	17,6	2,1	13%
VTP	425	3,6	185	91.600	129.200	42,2%	1,2%	32,0	6,3	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.170	16,7	479	80.900	128.300	62,3%	3,7%	10,8	2,0	20%
HPG	7.831	48,8	2.074	26.800	30.000	13,0%	1,1%	13,3	1,6	13%
Dầu khí										
BSR	7.206	21,1	3.373	37.800	16.700	-54,7%	1,1%	36,5	3,1	9%
GAS	9.066	14,1	4.236	98.700	78.400	-18,5%	2,1%	20,9	3,6	18%
OIL	827	5,3	52	21.000	14.800	-28,3%	1,2%	66,5	2,1	3%
PLX	2.515	16,5	121	52.000	47.700	-6,0%	2,3%	27,7	2,5	10%
PVD	873	12,6	322	41.250	32.600	-14,9%	6,1%	25,0	1,4	6%
PVS	847	16,9	289	43.500	41.800	-2,4%	1,5%	12,2	1,5	13%
PVT	474	7,0	174	26.500	23.400	-10,8%	0,9%	12,0	1,4	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	880	8,8	386	34.000	22.700	-30,7%	2,5%	22,6	2,0	10%
DCM	1.012	7,0	418	50.200	40.000	-16,3%	4,0%	15,7	2,5	16%
DDV	169	2,2	79	30.300	39.700	34,0%	3,0%	26,3	2,5	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	83	1,2	40	27.000	34.100	28,1%	1,9%	160,7	1,8	1%
Điện										
POW	1.565	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	397	2,5	123	28.200	37.400	34,4%	1,8%	14,8	1,5	11%
PC1	427	6,8	144	27.300	26.500	-2,9%	0,0%	12,1	1,7	15%
REE	1.289	1,6	0	62.500	76.600	24,2%	1,6%	13,4	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	584	8,8	172	13.800	18.300	47,1%	14,5%	59,8	1,1	2%
KDH	1.094	6,2	227	25.600	41.800	64,4%	1,2%	29,2	1,6	5%
NLG	497	3,5	46	26.900	42.200	58,6%	1,7%	18,4	1,0	6%
VHM	14.995	34,6	6.318	95.900	93.600			9,6	1,7	19%
VRE	2.240	11,9	834	25.900	32.000	27,6%	4,1%	9,1	1,2	14%
Công nghệ										
FPT	5.039	42,5	760	77.700	118.200	53,4%	1,3%	14,1	3,6	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA